

Số: 100/2024/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật,
chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;
Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận
pháp luật và hòa giải ở cơ sở;
Xét Tờ trình số 2707/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến,
giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn
tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 305/BC-BPC ngày 02 tháng 12 năm 2024 của
Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục
pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

Điều 2. Mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở

1. Mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: Thực hiện theo quy định dưới đây và Phụ lục ban hành kèm Nghị quyết này.

a) Chi công tác phí cho những người đi công tác, kiểm tra, giám sát, bao gồm cả báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cộng tác viên, chuyên gia tham gia đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải viên; chi tổ chức các cuộc họp (bao gồm cả cuộc họp bầu hòa giải viên, bầu tổ trưởng tổ hòa giải), hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, các chương trình, đề án, kế hoạch: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo viên pháp luật; tuyên truyền viên pháp luật và người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải viên ở cơ sở; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, già làng, trưởng thôn, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 124/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi một số quy định của Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Mức chi hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại đối với học viên là đại biểu ở cấp xã thực hiện theo mức chi hỗ trợ đối với đại biểu là khách mời không có trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

c) Chi tổ chức họp báo, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, giải pháp thực hiện chương trình, đề án, hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh và cấp huyện, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp

luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm: chỉ tổ chức các cuộc hội thảo, các phiên họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Ban chỉ đạo, họp tư vấn, thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 98/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

d) Chi chủ trì và các thành viên tham dự cuộc họp đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 54/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

đ) Chi biên soạn đồ họa thông tin pháp luật: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

e) Chi biên soạn sách nói pháp luật: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

g) Chi biên dịch các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số được hiểu là ngôn ngữ không phổ thông): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 105/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

h) Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

i) Chi thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở, người được mời tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt với tư cách là giảng viên: Thực hiện theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND.

Trường hợp thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

k) Chi tổ chức cuộc thi, hội thi viết, thi sân khấu, trên internet về tìm hiểu pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở:

Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng trong những ngày tham gia trực tiếp tổ chức cuộc thi theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

Chi biên soạn đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, bồi dưỡng thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng và một số nội dung chi khác để phục vụ tổ chức cuộc thi: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi giáo dục phổ thông ở tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nội dung chi, mức chi đặc thù để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh Gia Lai.

l) Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá theo định kỳ hoặc đột xuất về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

m) Chi kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 99/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Các mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở khác không được quy định tại Điều 2 Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ Hai mươi bốn thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2024. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, HĐND.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên



PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 100/2024/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Gia Lai)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	CHI BIÊN SOẠN MỘT SỐ TÀI LIỆU PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ ĐẶC THÙ		
1	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	đồng/tờ gấp đã hoàn thành	1.500.000
2	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	đồng/tình huống đã hoàn thành	450.000
3	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	đồng/câu chuyện đã hoàn thành	2.250.000
4	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành	7.500.000
II	CHI XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT, HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH CÓ TÁC ĐỘNG LỚN ĐẾN XÃ HỘI TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT; CÁC VĂN BẢN QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH CỦA HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT, BAN CHỈ ĐẠO CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH		
1	Xây dựng đề cương		
a)	Xây dựng đề cương chi tiết		
-	Cấp tỉnh	đồng/đề cương	1.200.000
-	Cấp huyện	đồng/đề cương	960.000
-	Cấp xã	đồng/đề cương	840.000
b)	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát		
-	Cấp tỉnh	đồng/đề cương hoàn chỉnh	2.000.000
-	Cấp huyện	đồng/đề cương hoàn chỉnh	1.600.000
-	Cấp xã	đồng/đề cương hoàn chỉnh	1.400.000
2	Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch		
a)	Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch		

-	Cấp tỉnh	đồng/chương trình, đề án, kế hoạch	3.000.000
-	Cấp huyện	đồng/chương trình, đề án, kế hoạch	2.400.000
-	Cấp xã	đồng/chương trình, đề án, kế hoạch	2.100.000
b)	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến		
-	Cấp tỉnh	đồng/báo cáo	500.000
-	Cấp huyện	đồng/báo cáo	400.000
-	Cấp xã	đồng/báo cáo	350.000
3	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)		
a)	Chủ trì	đồng/người/buổi	150.000
b)	Thành viên dự	đồng/người/buổi	100.000
4	Ý kiến tư vấn của chuyên gia		
a)	Cấp tỉnh	đồng/văn bản	500.000
b)	Cấp huyện	đồng/văn bản	400.000
c)	Cấp xã	đồng/văn bản	350.000
5	Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch		
a)	Chủ tịch Hội đồng		
-	Cấp tỉnh	đồng/người/buổi	200.000
-	Cấp huyện	đồng/người/buổi	160.000
-	Cấp xã	đồng/người/buổi	140.000
b)	Thành viên Hội đồng, thư ký		
-	Cấp tỉnh	đồng/người/buổi	150.000
-	Cấp huyện	đồng/người/buổi	120.000
-	Cấp xã	đồng/người/buổi	100.000
c)	Đại biểu được mời tham dự		
-	Cấp tỉnh	đồng/người/buổi	100.000
-	Cấp huyện	đồng/người/buổi	80.000
-	Cấp xã	đồng/người/buổi	70.000
d)	Nhận xét, phản biện của Hội đồng		
-	Cấp tỉnh	đồng/bài viết	300.000
-	Cấp huyện	đồng/bài viết	240.000
-	Cấp xã	đồng/bài viết	210.000
đ)	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng		
-	Cấp tỉnh	đồng/bài viết	200.000
-	Cấp huyện	đồng/bài viết	160.000
-	Cấp xã	đồng/bài viết	140.000

6	Ý kiến thẩm định chương trình, đề án, kế hoạch (đối với trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt)		
a)	Cấp tỉnh	đồng/bài viết	500.000
b)	Cấp huyện	đồng/bài viết	400.000
c)	Cấp xã	đồng/bài viết	350.000
7	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch		
a)	Cấp tỉnh	đồng/văn bản	500.000
b)	Cấp huyện	đồng/văn bản	400.000
c)	Cấp xã	đồng/văn bản	350.000
III	CHI XÂY DỰNG VÀ DUY TRÌ SINH HOẠT CÂU LẠC BỘ PHÁP LUẬT, NHÓM NÔNG CỐT		
1	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật	đồng/người/ngày (không quá 01 ngày)	50.000
2	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	đồng/người/buổi	20.000
IV	CHI TỔ CHỨC CUỘC THI, HỘI THI		
1	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet		
	Thuê văn nghệ, diễn viên (mức chi đặc thù)	đồng/người/ngày	450.000
2	Chi giải thưởng		
a)	Giải nhất		
-	Tập thể		
+	Quy mô cấp tỉnh	đồng/giải	13.500.000
+	Quy mô cấp huyện	đồng/giải	12.000.000
+	Quy mô cấp xã	đồng/giải	10.500.000
-	Cá nhân		
+	Quy mô cấp tỉnh	đồng/giải	8.100.000
+	Quy mô cấp huyện	đồng/giải	7.200.000
+	Quy mô cấp xã	đồng/giải	6.300.000
b)	Giải nhì		
-	Tập thể		
+	Quy mô cấp tỉnh	đồng/giải	9.450.000
+	Quy mô cấp huyện	đồng/giải	8.400.000
+	Quy mô cấp xã	đồng/giải	7.350.000
-	Cá nhân		
+	Quy mô cấp tỉnh	đồng/giải	4.050.000

+	Quy mô cấp huyện	đồng/giải	3.600.000
+	Quy mô cấp xã	đồng/giải	3.150.000
c)	Giải ba		
-	Tập thể		
+	Quy mô cấp tỉnh	đồng/giải	6.750.000
+	Quy mô cấp huyện	đồng/giải	6.000.000
+	Quy mô cấp xã	đồng/giải	5.250.000
-	Cá nhân		
+	Quy mô cấp tỉnh	đồng/giải	2.700.000
+	Quy mô cấp huyện	đồng/giải	2.400.000
+	Quy mô cấp xã	đồng/giải	2.100.000
d)	Giải khuyến khích		
-	Tập thể		
+	Quy mô cấp tỉnh	đồng/giải	4.050.000
+	Quy mô cấp huyện	đồng/giải	3.600.000
+	Quy mô cấp xã	đồng/giải	3.150.000
-	Cá nhân		
+	Quy mô cấp tỉnh	đồng/giải	1.350.000
+	Quy mô cấp huyện	đồng/giải	1.200.000
+	Quy mô cấp xã	đồng/giải	1.050.000
đ)	Giải phụ khác		
-	Quy mô cấp tỉnh	đồng/giải	670.000
-	Quy mô cấp huyện	đồng/giải	600.000
-	Quy mô cấp xã	đồng/giải	520.000
V	CHI THỰC HIỆN BÁO CÁO THỐNG KÊ VỀ HOẠT ĐỘNG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP		
1	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo		
a)	Cấp tỉnh	đồng/báo cáo	67.000
b)	Cấp huyện	đồng/báo cáo	60.000
c)	Cấp xã	đồng/báo cáo	52.000
2	Báo cáo thống kê (bao gồm báo cáo: định kỳ hàng năm, chuyên đề, đột xuất)		
a)	Cấp tỉnh	đồng/báo cáo	4.050.000
b)	Cấp huyện	đồng/báo cáo	3.600.000
c)	Cấp xã	đồng/báo cáo	3.150.000
VI	CÁC KHOẢN CHI CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ		

1	Chi thù lao cho hòa giải viên (<i>đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải</i>)		
a)	Chi thù lao cho hòa giải viên (<i>áp dụng đối với trường hợp hòa giải không thành theo Điều 27 Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13</i>)	đồng/vụ, việc	300.000
b)	Chi thù lao cho hòa giải viên (<i>áp dụng đối với trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở</i>)	đồng/vụ, việc	400.000
2	Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	tháng lương cơ sở	05
3	Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (<i>chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải</i>)	đồng/tổ hòa giải/tháng	150.000